

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026***(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Tô Múa)**Đơn vị: Triệu đồng*

| STT        | Nội dung                                                          | Dự toán năm 2026 | Ghi chú |
|------------|-------------------------------------------------------------------|------------------|---------|
| <b>A</b>   | <b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>                                        | <b>118.142</b>   |         |
| <b>I</b>   | <b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>                          | <b>19.664</b>    |         |
| -          | Thu NSDP hưởng 100%                                               | 18.685           |         |
| -          | Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia                         | 979              |         |
| +          | Thu phí, lệ phí                                                   | 860              |         |
| +          | Thu tiền sử dụng đất                                              | 119              |         |
| <b>II</b>  | <b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>                          | <b>98.478</b>    |         |
| 1          | Thu bổ sung cân đối ngân sách                                     | 98.478           |         |
| 2          | Thu bổ sung có mục tiêu                                           |                  |         |
| <b>III</b> | <b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>                                |                  |         |
| <b>IV</b>  | <b>Thu kết dư</b>                                                 |                  |         |
| <b>V</b>   | <b>Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang</b> | <b>-</b>         |         |
| <b>B</b>   | <b>TỔNG CHI NSDP</b>                                              | <b>118.142</b>   |         |
| <b>I</b>   | <b>Tổng chi cân đối NSDP</b>                                      | <b>118.142</b>   |         |
| 1          | Chi đầu tư phát triển (1)                                         |                  |         |
| 2          | Chi từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất                            | 119              |         |
| 3          | Chi thường xuyên                                                  | 115.660          |         |
| 4          | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)        |                  |         |
| 5          | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)                              |                  |         |
| 6          | Dự phòng ngân sách                                                | 2.363            |         |
| 7          | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương                              |                  |         |
| 8          | Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia      |                  |         |
| <b>II</b>  | <b>Chi các chương trình mục tiêu</b>                              | <b>-</b>         |         |
| 1          | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia                            |                  |         |
| 2          | Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ                           |                  |         |
| <b>III</b> | <b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>                              |                  |         |
| <b>IV</b>  | <b>Chi các khoản tài trợ viện trợ</b>                             |                  |         |
| <b>V</b>   | <b>Chi từ các nguồn thu QL qua NSNN</b>                           |                  |         |
| <b>VI</b>  | <b>Chi từ nguồn tăng thu</b>                                      |                  |         |